| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH SÓC TRĂNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - hạnh phúc** |

Bản án số: 197/2023/DSPT
Ngày**:** 07-11-2023
V/v *Tranh chấp hợp đồng gia công*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Thanh Tùng.**

*Các Thẩm phán*: Ông **Nguyễn Văn Dũ.**

Ông **Phan Lê Vũ Huy Hoàng.**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Ngô Mỹ Yên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng***: Bà **Nguyễn Thị Như Huỳnh** - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong ngày 07 tháng 11 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2023/TLPT-DS ngày 12 tháng 10 năm 2023 về *"Tranh chấp hợp đồng gia công"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 140/2023/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện K bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 224/2023/QĐPT-DS ngày 19 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Bà **Trần Thị A**, sinh năm 1967 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

*Bị đơn*: Ông **Trần Thanh P**, sinh năm 1977. (Vắng mặt)

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Bà **Trần Thanh T**, sinh ngày: 10/11/1983. (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Bà **Trần Thanh T**, sinh ngày: 10/11/1983. (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Người kháng cáo: *Nguyên đơn bà Trần Thị A*.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/08/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị A trình bày:*

Ngày 21/11/2014 dương lịch, bà có cất nhà nên làm hợp đồng miệng với ông Trần Thanh P làm toàn bộ cửa nhôm cho nguyên đơn. Ngày 15/10/2014 âm lịch, nguyên đơn có đưa cho bị đơn 8.000.000 đồng. Ngày 02/12/2014 âm lịch nguyên đơn có đưa tiếp cho bị đơn 12.000.000 đồng. Nguyên đơn cho rằng đã đưa đủ tiền bộ cửa cho bị đơn mà bị đơn không giao cửa cho bà. Sau đó, bị đơn bỏ trốn khỏi địa phương, đến tháng 6/2022 thì bị đơn có quay về địa phương, bà có gặp bị đơn 03 lần để đòi lại tiền nhưng bị đơn không trả. Nay bà yêu cầu bị đơn trả cho bà số tiền thiếu là 20.000.000 đồng và tiền lãi từ tháng 12/2015 đến tháng 4/2022 là 07 năm 04 tháng x 20.000.000 đồng x 1% = 17.600.000 đồng.

*Bị đơn Trần Thanh P trình bày*: Bị đơn có làm hợp đồng miệng gia công bộ cửa với nguyên đơn với số tiền 33.000.000 đồng, bà A có đưa 02 lần tiền cho bị đơn với số tiền 20.000.000 đồng, bị đơn đã làm được một nửa. Do hoàn cảnh khó khăn nên bị đơn đi làm xa, bị đơn giao lại cho em gái là Trần Thanh T làm tiếp. Sau đó, bà A có đưa thêm cho bà T số tiền 10.000.000 đồng, bà T tiếp tục làm, chỉ còn gắn kiếng là hoàn thiện. Lúc này, bà T có yêu cầu bà A đưa thêm 3.000.000 đồng thì gắn kiếng vào khung nhưng bà A không đồng ý. Nay với yêu cầu của bà A thì bị đơn không đồng ý.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thanh T trình bày*: Thống nhất với phần trình bày của bị đơn, bà không trình bày gì thêm.

*Vụ việc được hòa giải nhưng không thành nên đưa ra xét xử, tại bản án sơ thẩm số: 140/2023/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện K đã tuyên như sau*:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Trần Thanh P trả số tiền hợp đồng gia công là 20.000.000 đồng và tiền lãi 17.600.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

*Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 11 tháng 9 năm 2023 nguyên đơn bà Trần Thị A kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.*

*Tại phiên tòa phúc thẩm*:

Nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận như sau: Bị đơn tự nguyện hỗ trợ cho nguyên đơn số tiền gắn kiếng là 3.000.000đồng, chậm nhất đến ngày 07/12/2023 sẽ giao tiền trực tiếp giữa hai bên.

*Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng:*

Về thực hiện pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với người tham gia tố tụng. Đơn và thời hạn nộp tạm ứng kháng cáo của các đương sự trong hạn luật định nên được xem là hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung kháng cáo: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn thống nhất, thỏa thuận bị đơn sẽ hỗ trợ cho nguyên đơn 3.000.000đồng tiền gắn kiếng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này.

Đề nghị áp dụng Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại tòa phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên; những người tham gia tố tụng khác.

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 20.000.000 đồng và 17.600.000 đồng lãi theo hợp đồng gia công bộ cửa sắt. Do đó, Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp hợp đồng gia công"* là phù hợp theo quy định tại Điều 542 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền: Do gia công cửa sắt tại huyện K và bị đơn cư trú tại huyện K nên Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị A kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ gì mới.

Về nội dung:

[5] Ngày 21/11/2014 nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận miệng gia công bộ cửa sắt. Nguyên đơn có đưa cho bị đơn 02 lần tổng số tiền 20.000.000 đồng và bị đơn cũng thừa nhận. Nguyên đơn cho rằng bị đơn không giao bộ cửa như thỏa thuận nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 20.000.000 đồng và 17.600.000 đồng lãi suất. Bị đơn yêu cầu nguyên đơn đưa thêm 3.000.000 đồng để bị đơn gắn kiếng, chứ không phải bị đơn không thực hiện như đã thỏa thuận. Do các bên chưa thống nhất nên mới phát sinh tranh chấp. Hội đồng xét xử xét thấy:

[6] Theo Điều 543 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì đối tượng của hợp đồng gia công là vật được xác định trước theo mẫu, còn hợp đồng gia công giữa bà A và ông P mặc dù không có làm hợp đồng đúng theo quy định nhưng các bên cũng thừa nhận nên cần được công nhận. Trong quá trình các bên thực hiện hợp đồng, bà A đã đưa cho ông P 02 lần tổng số tiền là 20.000.000 đồng, sau đó ông P bỏ địa phương đi nên bà A cho rằng ông P không thực hiện như thỏa thuận và yêu cầu ông P trả số tiền 20.000.000 đồng và lãi suất 17.600.000 đồng. Xét thấy, Khi ông P không có mặt ở địa phương thì em ông P là bà Trần Thanh T vẫn tiếp tục gia công bộ cửa cho bà A nên bà A có đưa tiếp cho bà T thêm 10.000.000 đồng nên lời nại ra của bà A là không có căn cứ chấp nhận. Bà A và ông P thỏa thuận bộ cửa là 33.000.000 đồng, khi bà T yêu cầu bà A đưa thêm 3.000.000 đồng để hoàn tất gắn kính nhưng bà A không đưa chứ không phải do ông P không giao bộ cửa. Cho nên, khi nào bà A giao 3.000.000 đồng còn lại thì ông P giao bộ cửa cho bà A. Do đó, đối với yêu cầu của bà A buộc ông P trả lại 20.000.000 đồng và 17.600.000 đồng không được Tòa án nhân dân huyện K chấp nhận là phù hợp.

[7] Còn về số tiền 10.000.000 đồng bà A đưa tiếp cho bà Trần Thanh T em ông P nhằm thực hiện bộ cửa sắt mà ông P và bà A thỏa thuận thì các bên thừa nhận và không ai tranh chấp nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[8] Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Hội đồng xét xử giải thích pháp luật, sau đó nguyên đơn và bị đơn thống nhất thỏa thuận, bị đơn đồng ý hỗ trợ cho nguyên đơn 3.000.000đồng để giải quyết kết thúc vụ án, hai bên không còn tranh chấp nữa. Thời hạn bị đơn giao tiền cho nguyên đơn là 01 tháng kể từ ngày 07/11/2023.

Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, không trái với pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận.

[9] Từ những phân tích cụ thể nêu trên, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm**.**

[10] Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải chịu 300.000đồng án phí phúc thẩm.

[11] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát như đã nêu trên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên đề nghị của Viện kiểm sát được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, Điều 147; Điều 271; Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 328; Điều 351; Điều 357; Điều 542; Điều 543 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử***:

1. Sửa bản án sơ thẩm

Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Bị đơn ông Trần Thanh P sẽ trả cho nguyên đơn bà Trần Thị A số tiền 3.000.000đồng (Ba triệu đồng). Thời hạn giao nhận tiền chậm nhất đến ngày 07/12/2023. Việc giao nhận trực tiếp giữa hai bên hoặc giao nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trần Thị A phải chịu án phí là 300.000đồng nhưng được trừ 500.000đồng tiền tạm ứng án phí bà A đã nộp theo biên lai thu số 0007199 ngày 30/5/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Bà Trần Thị A được nhận lại 200.000 đồng tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng**.**

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Trần Thanh P phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

Nguyên đơn bà Trần Thị A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, bà A được nhận lại 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lại thu số 0010616 ngày 11/09/2023 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng,

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 07/11/2023)

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Tòa án nhân dân huyện K;
- Chi Cục THADS huyện K ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

***(Đã ký)***

**Phạm Thanh Tùng**